

Số báo danh:.....

Câu 1 (2,5 điểm).

a) Tính giá trị của các biểu thức sau:

$$A = \frac{5}{13} \sqrt{\frac{49}{81}} - \frac{5}{3^2} \cdot \frac{-6}{13} - \left(\frac{2}{3}\right)^2; \quad B = \left(1 - \frac{1}{2^2}\right) \left(1 - \frac{1}{3^2}\right) \dots \left(1 - \frac{1}{99^2}\right) \left(1 - \frac{1}{100^2}\right).$$

b) Cho a, b, c, d là các số nguyên thỏa mãn: $a^2 + b^2 = c^2 + d^2$, chứng minh rằng $a + b + c + d$ chia hết cho 2.**Câu 2 (1,5 điểm).** Tìm các số x, y, z biết: $\frac{x}{y} = \frac{7}{20}$; $\frac{y}{z} = \frac{5}{8}$ và $2x + 5y - 2z = 100$.**Câu 3 (2,0 điểm).**a) Cho đa thức $f(x)$, biết $(x-2)f(x) = (x+3)f(x+5)$ với mọi x . Chứng tỏ rằng $f(x)$ có ít nhất 2 nghiệm.b) Cho x, y, z là các số khác 0 thỏa mãn $x = y + z$, tính giá trị của biểu thức:

$$P = \left(1 - \frac{z}{x}\right) \left(1 - \frac{x}{y}\right) \left(1 + \frac{y}{z}\right).$$

Câu 4 (1,0 điểm). Gieo một con xúc xắc cân đối. Tìm xác suất của mỗi biến cố sau:

a) A: "Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là 6".

b) B: "Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là số chính phương".

Câu 5 (3,0 điểm). Cho $\triangle ABC$ nhọn, biết $\widehat{ABC} = 2\widehat{ACB}$. Kẻ đường cao AH . Trên tia đối của tia BA lấy điểm M sao cho $BM = BH$, đường thẳng MH cắt cạnh AC tại D . Chứng minh rằng:a) $\triangle DHC$ là tam giác cân.b) D là trung điểm của cạnh AC .c) $\frac{AB + AC}{2} > BD$.

----- Hết -----

***Lưu ý:** Thí sinh không được sử dụng máy tính cầm tay.